TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------

Bản án số: 35/2025/ST-DS
Ngày 17/4/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Xuân Mai.
2/ Bà Dương Thị Kim Lan.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy – Thư ký Toà án ND huyện Mê Linh
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/TLST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2024. Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX - ST ngày 28/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/QĐ-HPT ngày 18/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng K.**

Địa chỉ trụ sở chính: thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông H – Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội.

- *Bị đơn*: Ông **H1**, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn D, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
Có mặt: Ông H
Vắng mặt: Ông H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông H trình bầy:*

1/ Về hợp đồng: Ngày 21/12/2022, ông H1 có Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kvà Giấy đề nghị phát hành nhanh thẻ tín dụng K gửi Ngân hàng K; hợp đồng số 0179/22/TC/0804-13474 ngày 21/12/2022; Ngày 21/12/2022, Ngân hàng Kđồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông H1 với hạn mức tín dụng: 30.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn: 36 tháng; Lãi suất: 22%/năm; Phí chậm thanh toán: 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chậm trả, tối đa 630.000 đồng; Phí sử dụng vượt hạn mức: 0,075%/ngày trên số tiền vượt hạn mức; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

2/ Về số tiền đã tiêu dùng: Tính đến hết ngày 17/4/2025, ông H1 đã sử dụng tiền tiêu dùng nhiều lần thông qua thẻ tín dụng với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

3/ Về số tiền đã trả: Tính đến hết ngày 17/4/2025, ông H1 chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng.

4/ Về số tiền còn nợ: Tính đến hết ngày 17/4/2025, ông H1 còn nợ Ngân hàng Ktổng số tiền là 62.480.569 đồng; trong đó: Nợ gốc là 30.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 16.339.724 đồng; Nợ phí phạt chậm trả là 16.140.845 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông H1 trả nợ cho Ngân hàng Ktổng số tiền là: 62.480.569 đồng; trong đó: Nợ gốc là 30.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 16.339.724 đồng; Nợ phí phạt chậm trả là 16.140.845 đồng; Tính hết ngày 17/4/2025.

- Buộc ông H1 tiếp tục trả tiền lãi; tiền phí phát sinh từ ngày 18/4/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng K.

- Về án phí sơ thẩm: ông H1 phải chịu theo qui định của pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng không còn ý kiến gì thêm.

* *Bị đơn ông H1* đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê linh không tham gia phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/12/2022, ông H1 có Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kvà Giấy đề nghị phát hành nhanh thẻ tín dụng K gửi Ngân hàng K; Ngày 21/12/2022, Ngân hàng Kcấp thẻ tín dụng cho ông H1; Ngày 16/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh nhận được đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024 và các tài liệu chứng cứ kèm theo của Ngân hàng K. Theo qui định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Vì vậy, thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng Kvẫn còn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hai bên tham gia ký kết Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K. Vì vậy, vụ án thụ lý quan hệ pháp luật về dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 6 nghị quyết 03/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.

[3] Về thẩm quyền: Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. "Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình qui định tại Điều 26... của bộ luật này". Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

[4] Về thủ tục: Quá trình xét xử vụ án bị đơn ông H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, không thay đổi nơi thường trú; đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng

dân sự, tại phiên tòa lần đầu và lần này vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt ông H1 và dành quyền kháng cáo cho ông H1 theo quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung:

[5.1] Về Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K, hợp đồng số 0179/22/TC/0804-13474 ngày 21/12/2022, giữa ông H1 với Ngân hàng K. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng K. Nhận thấy: Ngày 21/12/2022, ông H1 có giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K, Ngân hàng Kcấp thẻ tín dụng số cho ông H1; hạn mức tín dụng: 30.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn: 36 tháng; Lãi suất: 22%/năm; Phí chậm thanh toán: 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chậm trả, tối đa 630.000 đồng; Phí sử dụng vượt hạn mức: 0,075%/ngày trên số tiền vượt hạn mức; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế. Từ khi được cấp thẻ tín dụng đến ngày 17/4/2025, ông H1 nhiều lần chi tiêu thông qua thẻ tín dụng với tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng và chưa thanh toán trả ngân hàng số tiền trên. Vì vậy, có cơ sở và chứng cứ xác định Ngân hàng Kvà ông H1 có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[5.2] Về tiền nợ gốc: Ngân hàng Kyêu cầu ông H1 trả nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng, tính đến hết ngày 17/4/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng K. Nhận thấy: Ngày 21/12/2022, Ngân hàng Kcấp cho ông H1 sử dụng thẻ tín dụng; hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, tính từ ngày 21/12/2022 đến ngày 17/4/2025, ông H1 đã nhiều lần chi tiêu tiền thông qua thẻ tín dụng với tổng số tiền là 30.000.000 đồng và chưa thanh toán trả ngân hàng; tổng số tiền còn nợ gốc là: 30.000.000 đồng. Do ông H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Ktheo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K, nên Ngân hàng Kkhởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền gốc đã tiêu dùng là 30.000.000 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng Klà có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật. Vì vậy, buộc ông H1 phải trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng cho Ngân hàng Klà phù hợp.

[5.3] Về tiền nợ lãi và nợ phí phạt chậm trả: Ngân hàng Kyêu cầu ông H1 trả tiền nợ lãi là 16.339.724 đồng; Nợ phí phạt chậm trả là 16.140.845 đồng; Tính hết ngày 17/4/2025.

+ *Về lãi suất cho vay:* Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng K. Nhận thấy: Lãi suất sử dụng thẻ tín dụng được áp dụng trên biểu phí theo qui định của Ngân hàng Kvà do hai bên thỏa thuận tại thời điểm sử dụng thẻ tín dụng là 22%/năm. Theo qui định tại khoản 2, Điều 9 Luật các tổ chức tín dụng "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo qui định của pháp luật...". Theo Mục 3 phần III công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án tối cao về giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ "Đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo qui định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự". Vì vậy, có cơ sở chứng cứ xác định lãi suất sử dụng thẻ tín dụng do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ *Về số tiền nợ lãi trong hạn*: Ngân hàng Kyêu cầu ông H1 trả nợ tiền lãi trong hạn là 16.339.724 đồng; tính hết ngày 17/4/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai, bảng kê tính lãi của Ngân hàng K. Nhận thấy: Lãi suất sử dụng

thẻ tín dụng được áp dụng trên biểu phí chung theo qui định của Ngân hàng Kvà do hai bên thỏa thuận tại thời điểm sử dụng thẻ tín dụng với lãi suất trong hạn là 22%/năm. Lãi suất sử dụng thẻ tín dụng được Ngân hàng Ktính phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu trả lãi của Ngân hàng Kvà buộc ông H1 phải trả nợ tiền lãi trong hạn là 16.339.724 đồng; tính hết ngày 17/4/2025.

+ Về số tiền nợ phí: Ngân hàng Kyêu cầu ông H1 trả nợ phí phạt chậm trả là 16.140.845 đồng; tính hết ngày 17/4/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai, bảng kê tính lãi của Ngân hàng K. Nhận thấy: phí chậm thanh toán được áp dụng trên biểu phí chung theo qui định của Ngân hàng Kvà do hai bên thỏa thuận là 0,075%/ngày. Phí sử dụng vượt hạn mức được Ngân hàng Ktính phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu trả phí của Ngân hàng Kvà buộc ông H1 phải trả nợ tiền phí phạt chậm trả là 16.140.845 đồng; tính hết ngày 17/4/2025.

[5.4] Về lãi phát sinh: Ngân hàng Kyêu cầu kể từ ngày 18/4/2025, ông H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kcho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng K. Nhận thấy: Số tiền nợ lãi, phí trên Ngân hàng Kmới yêu cầu tính đến hết ngày 17/4/2025. Nay Ngân hàng Ktiếp tục yêu cầu ông H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh của số tiền gốc tính lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kkể từ ngày 18/4/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Việc Ngân hàng Kyêu cầu ông H1 tiếp tục trả lãi, phí phát sinh của số tiền gốc tính lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/4/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp theo qui định của pháp luật và đúng với các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu lãi phát sinh của Ngân hàng K.

[6] Về án phí sơ thẩm: Tổng số tiền tranh chấp là 62.480.569 đồng; Tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 62.480.569 đồng x 5% = 3.124.000 đồng, ông H1 phải chịu để sung công quỹ nhà nớc.

- Ngân hàng Kkhông phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 463, Điều 465; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Khoản 3 Điều 26, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phánTòa án nhân dân tối cao; về hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K.

[2] Buộc ông H1 trả Ngân hàng K, tổng số tiền nợ là: 62.480.569 đồng (Sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng); trong đó: Nợ gốc là 30.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 16.339.724 đồng; Nợ phí phạt chậm trả là 16.140.845 đồng; Tính hết ngày 17/4/2025.

[3] Buộc ông H1 tiếp tục trả khoản nợ lãi, phí phát sinh cho Ngân hàng K theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Ktừ ngày 18/4/2025 đến khi ông H1 trả hết các khoản nợ tại Ngân hàng K.

[4] Về án phí sơ thẩm: 3.124.000 đồng (Ba triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng), ông H1 phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

- Ngân hàng K không phải chịu án phí nên được trả lại 1.218.000 đồng (Một triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0054xxxx ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án vắng mặt.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận
- Người tham gia tố tụng.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Mê Linh.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu án

Lê Huy Duệ